BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

*****

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT
KHÓA 17

Hải Phòng, 2026

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Nội dung đầy đủ
1	**AI**	Artificial Intelligence - Trí tuệ nhân tạo
2	**ASEAN**	Association of Southeast Asian Nations - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
3	**AQRF**	ASEAN Qualifications Reference Framework - Khung tham chiếu trình độ ASEAN
4	**CĐR**	Chuẩn đầu ra
5	**CLO**	Course Learning Outcome - Chuẩn đầu ra học phần
6	**CNTT**	Công nghệ thông tin
7	**CTĐT**	Chương trình đào tạo
8	**GDQP&AN**	Giáo dục quốc phòng và an ninh
9	**GDTC**	Giáo dục thể chất
10	**GV**	Giảng viên
11	**HK**	Học kỳ
12	**HP**	Học phần
13	**I**	Introduce - Giới thiệu/hình thành năng lực
14	**LT**	Lý thuyết
15	**M**	Mastery - Làm chủ năng lực
16	**M/A**	Mastery/Assessed - Làm chủ và được đánh giá
17	**PI**	Performance Indicator - Chỉ số thực hiện/đo lường chuẩn đầu ra
18	**PLO**	Program Learning Outcome - Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
19	**PO**	Program Objective - Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo
20	**R**	Reinforce - Củng cố/phát triển năng lực
21	**STT**	Số thứ tự
22	**SV**	Sinh viên
23	**TC**	Tín chỉ
24	**TH**	Thực hành

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO 2
2. CHUẨN ĐẦU RA 3
3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO 7
4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA 7
5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH 7
6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 7
7. THANG ĐIỂM 8
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH 8
9. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU (PO) VÀ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO) 13
10. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG (PI) VIỆC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT 14
11. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO 18
12. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN 19
13. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 33
14. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP 37
15. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ 48
16. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 48

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Luật
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Luật (Law)
Mã ngành : 7380101
Hình thức đào tạo : Chính quy
Tên gọi văn bằng : Cử nhân

(Ban hành theo Quyết định số 395/QĐ-ĐHSĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Sao Đỏ)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật được xây dựng theo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp; trang bị cho người học nền tảng kiến thức toàn diện, kỹ năng chuyên môn sâu và năng lực thực hành nghề nghiệp vững vàng trong lĩnh vực pháp luật. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng ứng dụng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, tư duy hệ thống, năng lực số, công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) để chủ động giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và các chủ thể khác trong xã hội; tham gia tư vấn, xây dựng, thực thi, áp dụng và bảo vệ pháp luật theo quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn. Chương trình rèn luyện cho người học đạo đức nghề nghiệp, tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm xã hội, khả năng làm việc trong môi trường liên ngành, năng lực đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời và sự phát triển của kỷ nguyên số.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực nghề nghiệp trong tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị.

PO2: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên sâu về pháp luật Việt Nam; có khả năng phân tích, đánh giá và áp dụng các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

PO3: Vận dụng ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng giao tiếp, phản biện kết hợp tư duy, năng lực số và kiến thức AI để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường số.

PO4: Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề luật như nghiên cứu, phân tích, tư vấn, soạn thảo văn bản pháp lý, đàm phán, giải quyết tranh chấp và tham gia các hoạt động tố tụng; có khả năng vận dụng hiệu quả công cụ số và trí tuệ nhân tạo phù hợp để nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng yêu cầu của môi trường hành nghề hiện đại.

PO5: Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; có năng lực đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, chủ động học tập suốt đời và chịu trách nhiệm đối với bản thân, tổ chức và cộng đồng trong môi trường công nghiệp hiện đại.

2. CHUẨN ĐẦU RA - Program Learning Outcomes (PLO)

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có khả năng:

STT	Ký hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	**3**
		PI 1.1. Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội để, để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về hệ thống pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.	**3**
		PI 2.1. Vận dụng các quy định của pháp luật trong từng lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể.	3
		PI 2.2. Thực hiện giải quyết các tình huống pháp lý phù hợp quy định pháp luật.	3
3	**PLO3**	Phân tích các vấn đề pháp lý dựa trên kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật để thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật, công tác pháp chế, tố tụng và giải quyết tranh chấp.	**4**
		PI 3.01. Phân tích căn cứ và tình huống pháp lý để thực hiện tư vấn, soạn thảo và rà soát văn bản pháp lý.	4
		PI 3.2. Phân tích và vận dụng kiến thức trong các lĩnh vực pháp luật để giải quyết tranh chấp, thực hiện hoạt động tố tụng và quản trị pháp lý tại cơ quan, doanh nghiệp.	4
4	**PLO4**	Phân tích sự tác động của chính sách pháp luật Việt Nam, khu vực và quốc tế để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước, doanh nghiệp và xã hội.	**4**

		PI 4.1. Vận dụng được sự tác động của các quy định pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	4
		PI 4.2. Phân tích được kiến thức pháp luật quốc tế và ASEAN trong giải quyết các vấn đề có yếu tố nước ngoài.	4
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng, năng lực số, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các phần mềm, cơ sở dữ liệu pháp lý để phân tích, lựa chọn giải pháp và giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý trong hoạt động nghề nghiệp.	**3**
		PI 5.1. Vận dụng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng để phân tích, trao đổi, thuyết phục và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề pháp lý trong môi trường nghề nghiệp.	3
		PI 5.2. Vận dụng năng lực số, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, các phần mềm và cơ sở dữ liệu pháp lý để tra cứu, phân tích, soạn thảo văn bản, hỗ trợ tư vấn và giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	3
6	**PLO6**	Sử dụng ngoại ngữ Bậc 3 (Trung cấp) theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam để giao tiếp cơ bản, xử lý các công việc thường nhật và tương tác hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 6.1. Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh/tiếng Trung Quốc thông dụng liên quan đến công việc trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3
		PI 6.2. Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh/tiếng Trung Quốc trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
7	**PLO7**	Phân tích các tình huống pháp lý để lựa chọn và vận dụng phù hợp các kỹ năng nghề luật trong tư vấn pháp luật, soạn thảo văn bản pháp lý, đàm phán, giải quyết tranh chấp và tham gia hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật.	**4**
		PI 7.1. Phân tích yêu cầu và tình huống pháp lý để soạn thảo hợp đồng, văn bản hành chính và các văn bản pháp lý phù hợp quy định của pháp luật.	4
		PI 7.2. Phân tích tình huống pháp lý để lựa chọn và thực hiện phù hợp với quy trình tư vấn, đàm phán, giải quyết tranh chấp và các hoạt động tố tụng.	4
8	**PLO8**	Đánh giá các vấn đề pháp lý phức tạp và lựa chọn giải pháp phù hợp trên cơ sở nghiên cứu, lập luận khoa học và quy định của pháp luật; duy trì khả năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.	**5**
		PI 8.1. Phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý phức tạp hoặc mới phát sinh để đề xuất các giải pháp.	5

		PI 8.2. Đánh giá và lựa chọn giải pháp pháp lý khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật và bối cảnh thực tiễn.	5
Mức tự chủ trách nhiệm			
9	**PLO9**	Chủ động lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc chuyên môn pháp lý; phối hợp hiệu quả với các cá nhân, tổ chức trong giải quyết các vấn đề pháp lý; hướng dẫn và giám sát người khác; thích ứng với sự thay đổi của công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực pháp luật; tự định hướng phát triển nghề nghiệp, đổi mới sáng tạo và duy trì học tập suốt đời nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.	**3**
		PI 9.1. Lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc chuyên môn pháp lý; hướng dẫn và giám sát người khác; phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghề nghiệp.	3
		PI 9.2. Chủ động thích ứng với sự phát triển của công nghệ, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực pháp luật; tự định hướng phát triển nghề nghiệp, học tập suốt đời, đổi mới sáng tạo và thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, tổ chức và xã hội.	3
10	**PLO10**	Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và chuẩn mực nghề luật; chịu trách nhiệm đối với các quyết định, hoạt động chuyên môn và tác động của hoạt động nghề nghiệp đối với tổ chức, cộng đồng và xã hội; bảo đảm công bằng, minh bạch và bảo mật thông tin trong hoạt động pháp lý.	**3**
		PI 10.1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp; bảo đảm tính khách quan, trung thực, công bằng, bảo mật thông tin và trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn pháp lý.	3
		PI 10.2. Thể hiện trách nhiệm đối với các quyết định và hoạt động chuyên môn; nhận thức, đánh giá tác động của hoạt động nghề nghiệp đối với tổ chức, cộng đồng và xã hội; chủ động bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân và lợi ích hợp pháp của các chủ thể theo quy định của pháp luật.	3

2.2. Năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI) và ngoại ngữ

- Năng lực số, Công nghệ thông tin và Trí tuệ nhân tạo (AI): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông); có khả năng làm chủ, khai thác và ứng dụng linh hoạt các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) vào học tập, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và giải quyết công việc chuyên môn; bảo đảm an toàn thông tin, tuân thủ đạo đức số, pháp luật và sở hữu trí tuệ trên môi trường số (Thông

tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và đào tạo) và quy định của Trường Đại học Sao Đỏ.

- Năng lực ngoại ngữ: Đạt trình độ tối thiểu Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15/04/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương và tuân thủ quy định hiện hành của Trường Đại học Sao Đỏ.

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân của ngành Luật có thể làm việc tại:

2.3.1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan tư pháp và tổ chức chính trị - xã hội

Các cơ quan Đảng, Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án, cơ quan công an, thanh tra, kiểm tra, sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội với các vị trí: chuyên viên pháp chế, chuyên viên pháp luật, công chức, cán bộ tư pháp - hộ tịch, trợ lý pháp lý và các vị trí chuyên môn khác theo quy định của pháp luật.

2.3.2. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và các đơn vị sự nghiệp

Các doanh nghiệp, tập đoàn, ngân hàng, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, khu công nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập với các vị trí: chuyên viên pháp chế doanh nghiệp, chuyên viên tư vấn pháp luật, chuyên viên hợp đồng, chuyên viên quản trị tuân thủ, chuyên viên quản lý rủi ro pháp lý, chuyên viên nhân sự và các vị trí liên quan đến công tác pháp lý.

2.3.3. Các tổ chức hành nghề luật và dịch vụ pháp lý

Các văn phòng luật sư, công ty luật, trung tâm tư vấn pháp luật, trung tâm hòa giải, trọng tài thương mại, tổ chức trợ giúp pháp lý và các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý với các vị trí: trợ lý luật sư, chuyên viên tư vấn pháp luật, chuyên viên nghiên cứu hồ sơ, hòa giải viên, trọng tài viên (khi đáp ứng điều kiện theo quy định) và các vị trí chuyên môn khác.

2.3.4. Các cơ sở giáo dục, nghiên cứu và đào tạo pháp luật

Các trường đại học, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu và trung tâm nghiên cứu pháp luật với các vị trí: giảng viên, giáo viên (khi đáp ứng điều kiện theo quy định), nghiên cứu viên, chuyên viên nghiên cứu, cán bộ hỗ trợ đào tạo và chuyển giao tri thức pháp lý.

2.3.5. Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài

Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài và các dự án hợp tác quốc tế với các vị trí: chuyên viên pháp lý, chuyên viên tuân thủ, chuyên viên hợp đồng, chuyên viên quan hệ quốc tế và các vị trí liên quan đến pháp luật, khi đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ và chuyên môn.

2.3.6. Khởi nghiệp và hành nghề độc lập

Khởi nghiệp, tự tạo việc làm hoặc tham gia thành lập, quản lý doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý; tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho cá nhân và tổ chức; tham gia hành nghề luật sư, công chứng, đấu giá tài sản, thừa phát lại, hòa giải

thương mại và các nghề tư pháp khác sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự hoạch định kế hoạch học tập, tự nghiên cứu và học tập suốt đời để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống pháp luật và hội nhập quốc tế.

- Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo trình độ cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ ngành Luật và các ngành liên quan tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- Thực hiện được các nghiên cứu khoa học pháp lý; tham gia tư vấn, phản biện chính sách, xây dựng và hoàn thiện pháp luật; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động pháp lý, góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm (tương ứng với 7 học kỳ chính)

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 141 tín chỉ *(đã bao gồm học phần QP&AN và GDTC)*

Trong đó:

- ❖ Tổng khối lượng kiến thức tích lũy toàn khóa: **130** tín chỉ
  - Khối kiến thức giáo dục đại cương: 32 tín chỉ
  - Khối giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
    - *Phần lý thuyết* *59 tín chỉ*
    - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *29 tín chỉ*
    - *Đồ án tốt nghiệp* *10 tín chỉ*
- ❖ Các học phần điều kiện (không tích lũy): **11** tín chỉ
  - Học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh: 08 tín chỉ
  - Học phần Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

- Người học bảo đảm Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học thuộc lĩnh vực pháp luật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo: Thực hiện theo học chế tín chỉ và Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sao Đỏ.

Điều kiện tốt nghiệp: Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ và hoàn thành các học phần theo chương trình đào tạo;

- Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, bao gồm năng lực chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, năng lực số và các yêu cầu khác theo quy định của chương trình đào tạo;

- Đáp ứng các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Sao Đỏ;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

7. THANG ĐIỂM:

Theo thang điểm 10, theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Sao Đỏ.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

A. CÁC HỌC PHẦN TÍCH LŨY TOÀN KHÓA (courses accumulated throughout the program)

STT	Mã học phần Code study section	Tên học phần Course name	Tín chỉ Credits		
			Tổng Total	LT	TH
8.1		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG GENERAL EDUCATION KNOWLEDGE**	**32**	**29**	**3**
8.1.1		**Lý luận chính trị Political Theory**	**11**	**11**	**0**
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin Marxist - Leninist philosophy	3	3	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Marxist - Leninist political economy	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	2	0
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	2	2	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	2	0
8.1.2		**Khoa học xã hội - nhân văn Social sciences and humanities**	**6**	**6**	**0**
6	KHXH 010	Tâm lý học đại cương General Psychology	2	2	0
7	KHXH 007	Cơ sở văn hóa Việt Nam Vietnamese cultural foundation	2	2	0
8	LUAT 041	Logic học đại cương General logic	2	2	0
8.1.3		**Ngoại ngữ** *(chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)* **Foreign language** (choose 1 out of 2 foreign languages	**8**	**8**	**0**
8.1.3.1		**Tiếng Anh English**	**8**	**8**	**0**
9	TANH 051	Tiếng Anh 1 English 1	2	2	0

STT	Mã học phần Code study section	Tên học phần Course name	Tín chỉ Credits		
			Tổng Total	LT	TH
10	TANH 052	Tiếng Anh 2 English 2	3	3	0
11	TANH 053	Tiếng Anh 3 English 3	3	3	0
8.1.3.2		**Tiếng Trung Quốc** **Chinese**	**8**	**8**	**0**
12	TTRUNG022	Tiếng Trung 1 Chinese 1	2	2	0
13	TTRUNG023	Tiếng Trung 2 Chinese 2	3	3	0
14	TTRUNG024	Tiếng Trung 3 Chinese 3	3	3	0
8.1.4		**Tin học và công nghệ số** **Information technology**	**5**	**3**	**2**
15	TINCB 006	Tin học cơ bản Basic informatics	3	2	1
16	CNTT 011	Ứng dụng công nghệ số và AI Applying digital technology and AI	2	1	1
8.1.5		**Kỹ năng mềm** ***Soft skills***	**2**	**1**	**1**
17	KNM 010	Kỹ năng mềm Soft skills	2	1	1
8.2		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** **PROFESSIONAL EDUCATION KNOWLEDGE**	**98**	**59**	**39**
8.2.1		**Kiến thức cơ sở ngành** **Basic industry knowledge**	**20**	**16**	**4**
18	LUAT 001	Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý History of political and legal thought	2	2	0
19	LUAT 002	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật General theory of state and Law	2	2	0
20	LUAT 003	Lịch sử nhà nước và pháp luật History of state and Law	2	2	0
21	LUAT 004	Đạo đức nghề luật Ethics of the legal profession	2	2	0
22	LUAT 005	Kỹ năng lập luận và tranh luận Reasoning and debate Skills	2	1	1
23	LUAT 007	Luật hiến pháp Việt Nam Vietnamese constitutional Law	3	2	1
24	LUAT 012	Luật hành chính Việt Nam	3	2	1

STT	Mã học phần Code study section	Tên học phần Course name	Tín chỉ Credits		
			Tổng Total	LT	TH
		Vietnam administrative Law			
25	LUAT 006	Pháp luật về quyền con người Human rights Law	2	2	0
26	LUAT 019	Luật về phòng, chống tham nhũng Law on anti-corruption	2	1	1
8.2.2		**Kiến thức ngành, chuyên ngành** **Industry, expertise knowledge**	**68**	**43**	**25**
8.2.2.1		**Phần bắt buộc** **Required part**	**52**	**39**	**13**
27	LUAT 028	Xây dựng văn bản pháp luật Drafting legal documents	2	2	0
28	LUAT 025	Luật đất đai Land Law	3	2	1
29	LUAT 014	Luật tố tụng hành chính Administrative Procedure Law	3	2	1
30	LUAT 008	Luật hình sự 1 Criminal Law 1	2	2	0
31	LUAT 009	Luật hình sự 2 Criminal Law 2	3	2	1
32	LUAT 022	Tội phạm học Criminology	3	2	1
33	LUAT 015	Luật tố tụng hình sự Criminal procedure Law	3	2	1
34	LUAT 010	Luật dân sự 1 Civil Law 1	2	2	0
35	LUAT 011	Luật dân sự 2 Civil Law 2	3	2	1
36	LUAT 020	Luật hôn nhân và gia đình Law on marriage and family	2	1	1
37	LUAT 016	Luật tố tụng dân sự Civil procedure Law	3	2	1
38	LUAT 021	Luật sở hữu trí tuệ Intellectual property Law	2	2	0
39	LUAT 017	Luật thương mại 1 Commercial Law 1	2	2	0
40	LUAT 038	Luật thương mại 2 Commercial Law 2	2	2	0
41	LUAT 024	Luật tài chính Financial Law	3	2	1

STT	Mã học phần Code study section	Tên học phần Course name	Tín chỉ Credits		
			Tổng Total	LT	TH
42	LUAT 026	Luật thương mại quốc tế International commercial Law	3	2	1
43	LUAT 018	Công pháp quốc tế International public Law	2	2	0
44	LUAT 027	Pháp luật cộng đồng ASEAN ASEAN community Law	3	2	1
45	LUAT 013	Tư pháp quốc tế International justice	3	2	1
46	LUAT 023	Luật lao động Labor Law	3	2	1
8.2.2.2		**Phần tự chọn** **Optional section**	**16**	**4**	**12**
a)		**Phần tự chọn 1** *(chọn 1 trong 4 học phần sau)* **Elective 1** (choose 1 out of the following 4 courses)	**3**	**2**	**1**
47	LUAT 029	Luật môi trường Environmental Law	3	2	1
48	LUAT 030	Luật thuế Tax Law	3	2	1
49	LUAT 031	Luật cạnh tranh Competition Law	3	2	1
50	LUAT 032	Luật so sánh Comparative Law	3	2	1
b)		**Phần tự chọn 2** *(chọn 1 trong 4 học phần sau)* **Elective 2** (choose 1 of the following 4 courses)	**3**	**2**	**1**
51	LUAT 033	Kỹ năng tư vấn pháp luật Legal consulting skills	3	2	1
52	LUAT 034	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng Negotiation and contract drafting skills	3	2	1
53	LUAT 035	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại Commercial dispute resolution skills	3	2	1
54	LUAT 039	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính Administrative document drafting skills	3	2	1
c)		**Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế** **Thesis or alternative course**	**10**	**0**	**10**
55	LUAT 403	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm 3 học phần chuyên môn sau Graduation Thesis or Completion of Additional Specialized Courses	10	0	10
56	LUAT 036	Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	3	0	3

STT	Mã học phần Code study section	Tên học phần Course name	Tín chỉ Credits		
			Tổng Total	LT	TH
		Inspection and settlement of complaints and denunciations			
57	LUAT 037	Luật thi hánh án dân sự Việt Nam Law on Civil Judgment Enforcement in Vietnam	3	0	3
58	LUAT 040	Pháp luật an sinh xã hội Social Security Law	4	0	4
8.2.3		**Thực tập, trải nghiệm** **Internship, experience**	**10**	**0**	**10**
59	LUAT 401	Thực tập chuyên đề Thematic internship	3	0	3
60	LUAT 402	Thực tập tốt nghiệp Graduation internship	7	0	7
Tổng (tín chỉ) **Total (credits)**			**130**	**88**	**42**

B. HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN (Prerequisite Courses)

STT/ *No*	Mã học phần/ *Course code*	Học phần/ *Course*	Tín chỉ/*Credit*		
			Tổng/ *Total*	LT/ *Lecture*	TH/ *Practice*
I	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh *National Defense and Security Education*	**8** (165 tiết)	**0**	**8** (165 tiết)
II		**Giáo dục thể chất** *(chọn 3 trong 5 học phần)* ***Physical education*** *(choose 3 of 5 courses)*	**3**	**0**	**3**
1	GDTC 001	*Bóng chuyền hơi* *Soft volleyball*	*1*	*0*	*1*
2	GDTC 002	*Bóng đá* *Football*	*1*	*0*	*1*
3	GDTC 006	*Cầu lông* *Badminton*	*1*	*0*	*1*
4	GDTC 004	*Khiêu vũ thể thao* *Dancesport*	*1*	*0*	*1*
5	GDTC 005	*Pickleball*	*1*	*0*	*1*
		Tổng (tín chỉ) ***Total (credits)***	**11**	**0**	**11**

9. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU (PO) VÀ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT									
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**
Mục tiêu chung	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật được xây dựng theo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp; trang bị cho người học nền tảng kiến thức toàn diện, kỹ năng chuyên môn sâu và năng lực thực hành nghề nghiệp vững vàng trong lĩnh vực pháp luật. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng ứng dụng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, tư duy hệ thống, năng lực số, công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) để chủ động giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và các chủ thể khác trong xã hội; tham gia tư vấn, xây dựng, thực thi, áp dụng và bảo vệ pháp luật theo quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn. Chương trình rèn luyện cho người học đạo đức nghề nghiệp, tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm xã hội, khả năng làm việc trong môi trường liên ngành, năng lực đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời và sự phát triển của kỷ nguyên số.									
Mục tiêu cụ thể										
PO1	X	X				X				
PO2		X	X	X			X	X		
PO3					X	X	X			
PO4			X	X		X		X		X
PO5					X				X	X

10. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG (PI) VIỆC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT

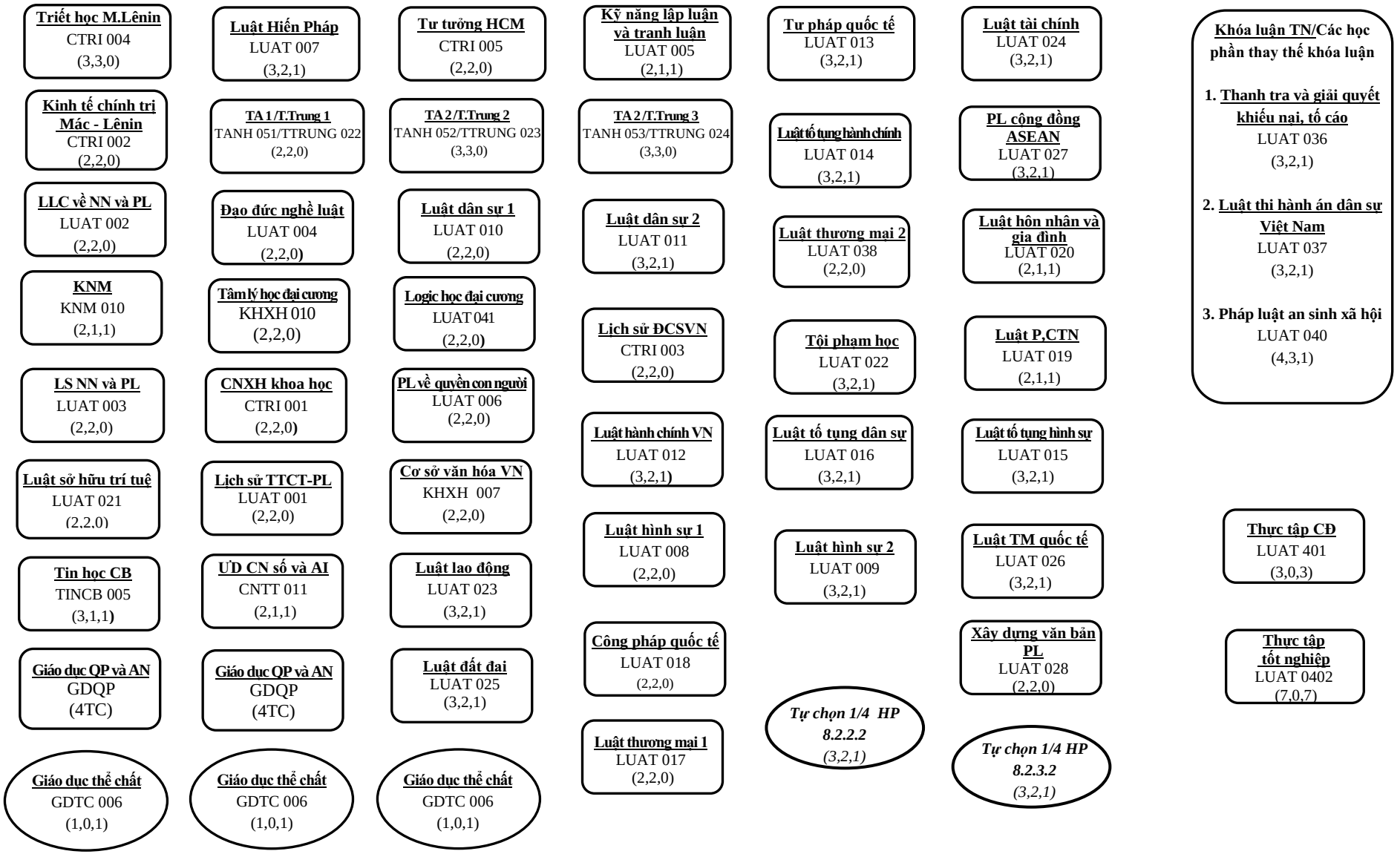
Học phần	Chuẩn đầu ra (PLO) (PI/cấp độ đóng góp của HP(*)										Số TC
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	
HỌC KỲ 1											
Triết học Mác - Lênin	PI1.1/2									PI10.1/1; PI10.2/1	3
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	PI1.1/2									PI10.1/1; PI10.2/1	2
Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	PI1.1/2	PI2.1/2									2
Kỹ năng mềm					PI5.1/2 PI5.2/2				PI9.1/1; PI9.2/1		2
Lịch sử nhà nước và pháp luật	PI1.1/2	PI2.1/2									2
Luật sở hữu trí tuệ		PI2.2/2	PI3.2/2	PI4.2/2							2
Tin học cơ bản					PI5.2/1		PI7.1/1		PI9.1/1		3
HỌC KỲ 2											
Luật Hiến pháp		PI2.1/2	PI3.1/2								3
Tiếng Anh 1/Tiếng Trung Quốc 1						PI6.1/1; PI6.2/2			PI9.1/1		2
Đạo đức nghề luật							PI7.2/2		PI9.1/1		2
Tâm lý học đại cương	PI1.1/2									PI10.1/1; PI10.2/1	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	PI1.1/2									PI10.1/1; PI10.2/1	2
Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý	PI1.2/2	PI2.1/2									2
Ứng dụng công nghệ					PI5.2/1		PI7.1/1		PI9.1/1		2

Học phần	Chuẩn đầu ra (PLO) (PI/cấp độ đóng góp của HP(*)										Số TC
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	
số và AI											
HỌC KỲ 3											
Tư tưởng Hồ Chí Minh	PI1.1/3									PI10.1/1; PI10.2/1	2
Tiếng Anh 2/Tiếng Trung Quốc 2						PI6.1/2; PI6.2/2			PI9.1/2		3
Luật dân sự 1		PI2.1/2	PI3.1/2				PI7.1/2				2
Logic học đại cương	PI1.2/2									PI10.1/1; PI10.2/1	2
Pháp luật về quyền con người		PI2.2/2		PI4.1/2					PI9.2/2		2
Cơ sở văn hoá Việt Nam	PI1.2/1							PI8.1/2		PI10.1/1; PI10.2/1	2
Luật lao động		PI2.2/3	PI3.2/3				PI7.1/3				3
Luật đất đai		PI2.2/3	PI3.1/3				PI7.1/3				3
HỌC KỲ 4											
Kỹ năng lập luận và tranh luận				PI4.1/2			PI7.1/2	PI8.1/3			2
Tiếng Anh 3/Tiếng Trung Quốc 3						PI6.1/3; PI6.2/3			PI9.1/2		3
Luật dân sự 2		PI2.2/2	PI3.1/2				PI7.1/2				3
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PI1.1/2								PI9.1/1		2
Luật hành chính Việt Nam		PI2.1/2	PI3.1/2				PI7.1/2				3
Luật hình sự 1		PI2.2/2	PI3.2/2				PI7.1/2				2
Công pháp quốc tế		PI2.2/2	PI3.2/2	PI4.2/2							2
Luật thương mại 1		PI2.2/2	PI3.2/2				PI7.1/2				2

Học phần	Chuẩn đầu ra (PLO) (PI/cấp độ đóng góp của HP(*)										Số TC
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	
HỌC KỲ 5											
Tư pháp quốc tế		PI2.2/2	PI3.2/2	PI4.2/2							3
Luật tố tụng hành chính		PI2.2/2					PI7.2/3	PI8.1/3			3
Luật thương mại 2		PI2.2/3	PI3.2/3				PI7.1/3				2
Tội phạm học		PI2.1/2	PI3.2/2				PI7.1/2				3
Luật tố tụng dân sự		PI2.2/2					PI7.2/3	PI8.1/2			3
Luật hình sự 2		PI2.2/3	PI3.1/2				PI7.1/2				3
Tự chọn 1 trong 4 học phần											
Luật môi trường		PI2.2/2	PI3.2/2						PI9.2/3		3
Luật thuế		PI2.2/2	PI3.2/2								3
Luật cạnh tranh		PI2.2/2	PI3.2/2				PI7.1/3				3
Luật so sánh		PI2.1/2	PI3.1/2	PI4.1/2							3
HỌC KỲ 6											
Luật tài chính		PI2.2/3	PI3.2/3					PI8.1/3			3
Pháp luật cộng đồng ASEAN		PI2.2/2	PI3.2/2	PI4.1/3							3
Luật hôn nhân và gia đình		PI2.2/2	PI3.1/2				PI7.1/2				2
Luật phòng, chống tham nhũng		PI2.2/2		PI4.2/2					PI9.2/2		2
Luật tố tụng hình sự		PI2.2/2					PI7.2/3	PI8.1/2			3
Luật thương mại quốc tế		PI2.2/3	PI3.2/3	PI4.2/3			PI7.2/3				3
Xây dựng văn bản pháp luật				PI4.2/3			PI7.1/3	PI8.2/3		PI10.1/3	2
Chọn 1 trong 4 học phần											
Kỹ năng tư vấn pháp				PI4.2/3	PI5.1/3		PI7.2/3				3

Học phần	Chuẩn đầu ra (PLO) (PI/cấp độ đóng góp của HP(*)										Số TC
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	
luật											
Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng				PI4.1/3	PI5.2/3		PI7.2/3	PI8.1/3			3
Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại		PI2.2/3		PI4.2/3			PI7.2/3	PI8.2/3			3
Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính				PI4.1/3			PI7.1/3	PI8.2/3		PI10.1/3	3
HỌC KỲ 7											
Học phần chung/bắt buộc											
Thực tập chuyên đề				PI4.2/3	PI5.2/3		PI7.2/3				3
Thực tập tốt nghiệp							PI7.2/3	PI8.2/3	PI9.2/3	PI10.2/3	7
a. Sinh viên làm khoá luận											
Khoá luận tốt nghiệp		PI2.2/3	PI3.2/3	PI4.1/3			PI7.1/3	PI8.2/3		PI10.1/3	10
b. Học các học phần chuyên môn thay thế khoá luận											
Học phần chung/bắt buộc											
Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo		PI2.2/3	PI3.2/3				PI7.2/3		PI9.1/3		3
Luật thi hánh án dân sự Việt Nam		PI2.2/3	PI3.2/3				PI7.2/3	PI8.1/3			3
Pháp luật an sinh xã hội		PI2.1/3	PI3.1/3						PI9.2/3		4

VI. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO



12. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

12.1. Mô tả các học phần

A. Các học phần tích luỹ toàn khoá

1. Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: Vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiễn trong học tập, cuộc sống.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của

Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. Tâm lý học đại cương

Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên nội dung cơ bản về: những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người.

7. Cơ sở văn hoá Việt Nam

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: khái niệm văn hóa và những khái niệm liên quan đến văn hóa, tiến trình lịch sử phát triển của văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân và tập thể, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Qua đó, sinh viên có những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc tiếp thu những kiến thức chuyên ngành, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

8. Logic học đại cương

Học phần Logic học đại cương trang bị những tri thức logic hình thức cho người học. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.

9. Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 1 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like… và một số loại cấu trúc câu hỏi.

10. Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên những từ vựng cơ bản như các nhóm động từ, danh từ và các từ loại khác theo những chủ điểm khác nhau: Công việc, du lịch, phim ảnh, môi trường, quan điểm sống … Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Cách sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, tương lai, các cấu trúc ngữ pháp với giới từ, tính từ, trạng từ,…

Ngoài ra, sinh viên được thực hành các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc hằng ngày, giao tiếp, ứng xử.

11. Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

12. Tiếng Trung 1

Học phần Tiếng Trung căn bản 1 dành cho sinh viên mới bắt đầu học tiếng Trung. Học phần gồm 10 bài, nội dung các bài cung cấp kiến thức về ngữ âm tiếng phổ thông Trung Quốc; các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ, giúp hình thành phản xạ giao tiếp các kĩ năng, nghe, nói, đọc, viết và dịch ở trình độ trung cấp; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

13. Tiếng Trung 2

Học phần Tiếng Trung căn bản 2 gồm 12 bài, cung cấp kiến thức về từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày trong học phần: Thời gian, thời tiết, hoạt động đang xảy ra, mua quần áo, màu sắc, vị trí, sở thích….Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ, giúp hình thành phản xạ giao tiếp các kĩ năng, nghe, nói, đọc, viết và dịch ở trình độ trung cấp; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

14. Tiếng Trung 3

Học phần Tiếng Trung căn bản 3 gồm 12 bài, cung cấp kiến thức về từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày trong học phần: Thời gian, thời tiết, sở thích, dự định, học tập, mua đồ, công việc, gọi điện thoại, ẩm thực. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ, giúp hình thành phản xạ giao tiếp các kĩ năng, nghe, nói, đọc, viết và dịch ở trình độ trung cấp; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

15. Tin học cơ bản

Học phần trang bị kiến thức nền tảng và kỹ năng tin học ứng dụng, hướng tới đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT). Nội dung học phần được thiết kế với 3 trọng tâm: Nắm vững nguyên lý hệ thống máy tính, hệ điều hành và bảo mật cơ bản; Sử dụng hiệu quả tài nguyên mạng và các dịch vụ lưu trữ trực

tuyến; Ứng dụng thành thạo bộ công cụ MS Word, Excel và PowerPoint để xử lý công việc và học tập hiệu quả.

16. Ứng dụng công nghệ số và AI

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) vào học tập và công việc, gồm 4 nội dung trọng tâm: (1) Quản trị và bảo mật thông tin trên điện toán đám mây; (2) Kỹ thuật thiết kế câu lệnh (Prompt Engineering); (3) Tích hợp công cụ AI để tự động hóa, phân tích dữ liệu và sáng tạo nội dung số; (4) Đạo đức AI và pháp lý số.

17. Kỹ năng mềm

Học phần Kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả học tập, làm việc và phát triển nghề nghiệp. Học phần gồm các nội dung chính: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng và kỹ năng tư duy sáng tạo. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác và phối hợp trong nhóm, thích ứng với sự thay đổi của môi trường học tập và làm việc, đồng thời vận dụng tư duy sáng tạo để giải quyết vấn đề và ra quyết định. Học phần được triển khai thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành, xử lý tình huống và thuyết trình, góp phần hình thành tác phong chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và năng lực làm việc trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

18. Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý

Học phần Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp luật cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các tư tưởng chính trị - pháp lý điển hình trên thế giới và ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Nội dung bao gồm tổng quan tư tưởng nhân loại từ cổ đại, trung cổ đến cận đại; các trường phái pháp luật cơ bản và học thuyết Mác - Lênin về nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần làm rõ sự phát triển tư tưởng chính trị - pháp lý Việt Nam qua các triều đại lịch sử, các nhà tư tưởng tiêu biểu và tập trung phân tích sâu sắc Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, pháp luật, đạo đức, dân chủ cùng quyền con người. Qua đó, học phần giúp sinh viên hình thành phương pháp luận lịch sử - logic, phát triển tư duy lý luận và nhãn quan chính trị - pháp lý sắc bén. Từ đó, người học có khả năng đánh giá các giá trị tư tưởng nhân loại và dân tộc để vận dụng vào việc nhận thức, phân tích các vấn đề thực tiễn trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

19. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật

Học phần Lý luận chung về nhà nước và pháp luật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nhà nước và pháp luật, bao gồm: nguồn gốc, bản chất, kiểu, chức năng, bộ máy và hình thức nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị và nhà nước pháp quyền. Học phần trang bị kiến thức về nguồn gốc, bản chất, vai trò, kiểu, hình thức và nguồn của pháp luật; hệ thống pháp luật và quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật. Qua đó, giúp sinh viên hình thành tư duy pháp lý, nâng cao ý thức pháp luật và vận dụng kiến thức lý luận để nhận thức, phân tích các vấn đề nhà nước và pháp luật trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn.

20. Lịch sử nhà nước và pháp luật

Học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử nhà nước và pháp luật, cụ thể: lịch sử hình thành, phát triển, thay thế các kiểu nhà nước và pháp luật qua các thời kì ở những khu vực điển hình trên thế giới; lịch sử phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam từ khi mới hình thành cho đến nay. Qua đó, rèn luyện cho người học kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp và xử lí các nguồn sử liệu; kỹ năng đọc và phân tích văn bản quy phạm pháp luật; Đóng góp vào việc hình thành phẩm chất tôn trọng lịch sử, bảo vệ và kế thừa các giá trị trong lịch sử, phát huy các giá trị pháp lý của dân tộc.

21. Đạo đức nghề luật

Học phần Đạo đức nghề luật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghề luật, đạo đức, văn hoá nghề luật; đạo đức nghề nghiệp của kiểm soát viên, luật sư, chấp hành viên, công chứng viên và các quy tắc đạo đức và ứng xử hành nghề luật tại một số quốc gia trên thế giới. Qua đó, sinh viên có thái độ, đạo đức đúng đắn khi tiếp cận nghiên cứu các ngành khoa học luật và hành nghề luật trong tương lai.

22. Kỹ năng lập luận và tranh luận

Học phần Kỹ năng lập luận và tranh luận cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản, trực tiếp góp phần:

- Hình thành và phát triển kỹ năng lập luận và tranh luận, gồm: thành phần, cấu trúc, các hình thức lập luận; Vai trò của lập luận trong giao tiếp và trong các hoạt động thuộc lĩnh vực pháp luật; Các đặc điểm, yêu cầu của lập luận pháp lý; Nội dung, đặc điểm, yêu cầu của hoạt động tranh luận; Kỹ năng phân tích, đánh giá một văn bản lập luận; Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, các phương thức và nghệ thuật xây dựng một văn bản lập luận có chất lượng khoa học và logic.

- Cung cấp kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng lập luận để rèn luyện các phẩm chất, kỹ năng phục vụ cho hoạt động tranh luận hiệu quả, bao gồm: Kỹ năng làm chủ nội dung; Kỹ năng chứng minh và bác bỏ; Kỹ năng lắng nghe và kiểm soát cảm xúc; Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, khẩu khí; Kỹ năng sử dụng các thủ thuật phản biện.

- Sau khi kết thúc học phần người học sẽ có những hiểu biết và khả năng tự phân tích, đánh giá và xây dựng các văn bản lập luận chất lượng, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ; Biết hình thành các luận cứ, luận điểm, các lý lẽ thuyết phục và vận dụng các kỹ năng bổ trợ để bảo vệ quan điểm trong các hoạt động tranh luận.

23. Luật hiến pháp Việt Nam

Học phần Luật hiến pháp Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chế độ bầu cử của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói chung và các cơ quan nhà nước cụ thể như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; giúp sinh viên hình thành những kỹ năng nghề nghiệp như: kỹ năng phân tích luật thành văn, kỹ năng lập luận, tranh luận, hình thành ý thức tuân thủ những quy định của Hiến pháp và quy tắc nghề nghiệp; Có trách nhiệm xã hội, thái độ phục vụ cộng đồng, có khả năng sáng tạo, đưa ra các vấn đề mới trong công việc.

24. Luật hành chính Việt Nam

Học phần Luật Hành chính cung cấp cho người học một số kiến thức nền tảng về pháp luật nội dung trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước như: Qui phạm pháp luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính; những nguyên tắc, hình thức và phương pháp cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước, quyết định hành chính, thủ tục hành chính. Các chủ thể của Luật Hành chính, bảo đảm pháp chế và kỷ luật nhà nước trong quản lý hành chính nhà nước, vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính.

25. Pháp luật về quyền con người

Học phần Lý luận và pháp luật về quyền con người cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những nội dung lý luận và quy định về quyền con người như: Khái quát về quyền con người; Khái quát luật quốc tế về quyền con người; Các quyền dân sự và chính trị trong luật quốc tế; Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong luật quốc tế; Luật quốc tế về quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương; Cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người; Lịch sử phát triển và quản điểm, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người; Pháp luật và cơ chế thực hiện, thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam. Từ đó, người học có thể nhìn nhận, nâng cao hiểu biết về quyền con người, giải quyết những vấn đề, tình huống phát sinh trong việc bảo đảm quyền con người trong thực tiễn.

26. Luật về phòng, chống tham nhũng

Học phần Luật về phòng, chống tham nhũng cấp cho người học các kiến thức về: Phòng, chống tham nhũng như khái niệm, đặc điểm của tham nhũng, các qui định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng, các nguyên nhân, tác hại của tham nhũng, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong phòng, chống tham nhũng, kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới về phòng, chống tham nhũng; Cung cấp người học một số kỹ năng nhận diện hành vi tham nhũng, phát triển kĩ năng tự nghiên cứu, phát triển kĩ năng hợp tác, làm việc nhóm. Củng cố và phát triển kĩ năng phân tích luật viết, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. Sau khi kết thúc học phần người học tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và các quy tắc nghề theo vị trí việc làm đảm nhận thể hiện sự khách quan, công bằng.

27. Xây dựng văn bản pháp luật

Học phần Xây dựng văn bản pháp luật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản pháp luật và xây dựng văn bản pháp luật theo từng nội dung về: quy trình xây dựng văn bản pháp luật; quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản pháp luật; cách thức trình bày hình thức và nội dung của văn bản pháp luật; soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình; cách thức kiểm tra, rà soát và xử lí văn bản pháp luật. Trên cơ sở lí thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng giải quyết các bài tập tình huống cụ thể để soạn thảo văn bản pháp luật.

28. Luật đất đai

Học phần Luật đất đai cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Những vấn đề lý luận chung về ngành luật đất đai, các vấn đề lý luận cơ bản của sở hữu toàn dân về đất đai, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa vị pháp lý của người sử dụng đất, chế độ pháp lý về sử dụng đất, những vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp đất đai, xử lý vi phạm pháp luật về

đất đai. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật đất đai Việt Nam, từ đó sinh viên có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các quyết định của chủ thể có thẩm quyền trong quản lí hành chính nhà nước về đất đai.

29. Luật tố tụng hành chính

Học phần Luật tố tụng hành chính cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về tài phán hành chính; các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng hành chính cũng như quan hệ pháp luật tố tụng hành chính; thẩm quyền xét vụ án hành chính của tòa án; chức năng quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hành chính; các nội dung về các cấp xét xử vụ án hành chính từ sơ thẩm, phúc thẩm, thủ tục xét xử đặc biệt và những nội dung liên quan trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ án hành chính.

Cung cấp và hình thành một số kỹ năng như: soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật; xây dựng hồ sơ vụ án; kỹ năng phân tích vụ án hành chính; nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý, lập luận, tranh luận, phản biện; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; hình thành cho người học biết tuân thủ quy trình xét xử vụ án hành chính theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

30. Luật hình sự 1

Học phần Luật hình sự 1 là môn học chuyên ngành Luật cung cấp kiến thức tổng quan về ngành luật hình sự; những vấn đề lý luận về tội phạm, về hình phạt, các yếu tố cấu thành tội phạm, các chế định khác liên quan đến tội phạm và hình phạt thông qua việc giới thiệu và phân tích các quy định thuộc phần chung của Bộ luật hình sự, các quy định của phần chung mang tính nguyên tắc ứng dụng chung cho việc giải quyết vụ án hình sự đối với tất cả các tội phạm, mang tính định hướng nguyên tắc xác định những vấn đề nội dung của vụ án. Học phần giúp người học hình thành và phát triển một số kĩ năng nhằm xác định được một hành vi như thế nào bị coi là tội phạm và trách nhiệm hình sự đặt ra đối với những hành vi đó, từ đó biết điều chỉnh hành vi của mình cũng như góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

31. Luật hình sự 2

Học phần Luật hình sự 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành Luật. Học phần cung cấp các nội dung cơ bản về các loại tội phạm cụ thể, các tội phạm an ninh quốc gia; các tội phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội phạm xâm hại quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội phạm sở hữu; các tội xâm phạm chế độ hôn ngân và gia đình; các tội xâm phạm trật tự, quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội phạm về ma tuý; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính; các tội phạm về chức vụ; các tội xâm phạm hoạt động tư pháp; các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu; các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh; các dấu hiệu pháp lý định tội của tội phạm cụ thể và các dấu hiệu định khung tăng nặng và nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự.

32. Tội phạm học

Học phần Tội phạm học nghiên cứu tình hình tội phạm có trên thực tế. Tội phạm học lấy tội phạm/tình hình tội phạm làm đối tượng nghiên cứu trung tâm và xem

phòng ngừa tội phạm là mục tiêu nghiên cứu chính. Tội phạm học giúp học viên nhận diện bức tranh tội phạm trên thực tế và hiểu được vì sao xã hội có tội phạm cũng như tại sao một người có thể phạm tội. Các phương pháp thống kê, nghiên cứu chọn lọc, nghiên cứu điển hình, quan sát, điều tra xã hội học, thực nghiệm xã hội, chuyên gia,… được sử dụng để thu thập, xử lý lý thông tin về vấn đề mà tội phạm học nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu Tội phạm học phục vụ cho hoạt động dự báo tội phạm và phòng ngừa tội phạm.

33. Luật tố tụng hình sự

Luật Tố tụng hình sự là học phần thuộc khối kiến thức ngành, được thiết kế dành cho người học ở trình độ đào tạo đại học. Học phần giúp cho người học nắm vững những kiến thức lí luận, các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học, thực tiễn và kỹ năng xử lí các giai đoạn tố tụng của một vụ án hình sự, như: thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân.

34. Luật dân sự 1

Học phần Luật Dân 1 sự cung cấp cho người học một số kiến thức nền tảng về pháp luật dân sự và áp dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể, bao gồm: khái niệm Luật Dân sự, các nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự, chủ thể của quan hệ pháp luật Dân sự, tài sản và quyền sở hữu và pháp luật về thừa kế.

35. Luật dân sự 2

Luật Dân sự cung cấp cho người học một số kiến thức nền tảng về pháp luật dân sự và áp dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể, bao gồm: quy định về hợp đồng, một số hợp đồng thông dụng cụ thể, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.

36. Luật hôn nhân và gia đình

Học phần Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái niệm và những nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, sự phát triển của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam từ cách mạng Tháng Tám đến nay, kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con, quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, chấm dứt hôn nhân, quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

37. Luật tố tụng dân sự

Luật tố tụng dân sự là học phần cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án.

Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lí luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tống đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án.

38. Luật sở hữu trí tuệ

Học phần Luật sở hữu trí tuệ cung cấp cho người học các kiến thức và khả năng cơ sở lý luận về Luật sở hữu trí tuệ và thực tiễn bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ như: quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, các biện pháp bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Cung cấp và rèn luyện một số kỹ năng tra cứu các vấn đề pháp lý về sở hữu trí tuệ như: tra cứu đối tượng quyền sở hữu trí tuệ trước khi đăng ký bảo hộ, quy trình đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, các biện pháp thực thi và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Kỹ năng tra cứu văn bản pháp luật trong nước, các Điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ, pháp luật một số quốc gia. kỹ năng xác định, tra cứu, các điều luật làm cơ sở cho việc giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ, kỹ năng lập luận, tranh luận. Qua đó, đóng góp vào hình thành tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ, biết cách tổ chức và điều hành các hoạt động giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.

39. Luật thương mại 1

Học phần Luật thương mại 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Những vấn đề lý luận chung về doanh nghiệp và pháp luật về doanh nghiệp; quy chế pháp lý về doanh nghiệp tư nhân, về công ty hợp danh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; một số vấn đề pháp lý đặc thù về doanh nghiệp nhà nước, về nhóm công ty, thành lập doanh nghiệp, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp.

40. Luật thương mại 2

Học phần Luật thương mại 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Pháp luật về mua bán hàng hoá, dịch vụ trung gian thương mại, dịch vụ xúc tiến thương mại, dịch vụ logistics và nhượng quyền thương mại; chế tài thương mại; những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại; thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại.

41. Luật tài chính

Học phần Luật tài chính cung cấp các kiến thức cơ bản về pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật về tài chính doanh nghiệp, pháp luật kinh doanh bảo hiểm và pháp luật về thị trường chứng khoán. Luật tài chính theo nghĩa rộng nghiên cứu các lĩnh vực pháp luật riêng biệt gắn với hệ thống tài chính của nền kinh tế, gắn với pháp luật điều chỉnh quá trình tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn tài chính của các chủ thể.

42. Luật thương mại quốc tế

Học phần Luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Học phần bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Đối với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; thương mại dịch vụ và GATS; quyền sở hữu

trí tuệ và Hiệp định TRIPs; cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; háp luật về thanh toán quốc tế; giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

43. Công pháp quốc tế

Học phần Công pháp quốc tế cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về: Khái niệm, lịch sử phát triển và nguồn của luật quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Chủ thể của luật quốc tế; Luật điều ước quốc tế; Dân cư trong luật quốc tế; Lãnh thổ trong luật quốc tế; Luật ngoại giao và lãnh sự; Giải quyết hoà bình các tranh chấp quốc tế; Các cơ quan tài phán uốc tế; Trách nhiệm pháp lý quốc tế.

44. Pháp luật cộng đồng ASEAN

Pháp luật ASEAN là môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lí chuyên ngành về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN. Học phần gồm 6 nhóm vấn đề chính: 1) Tổng quan về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và Pháp luật Cộng đồng ASEAN; 2) Khu vực thương mại tự do ASEAN; 3) Tự do hoá thương mại dịch vụ ASEAN; 4) Khu vực đầu tư ASEAN; 5) Pháp luật Cộng đồng ASEAN về phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; 6) Cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN. Thông qua những vấn đề này, môn học không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức lí luận cơ bản về pháp luật Cộng đồng ASEAN mà còn trang bị cho người học những kiến thức pháp lí cụ thể và quan trọng về: hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; Khu vực thương mại tự do ASEAN, Khu vực đầu tư ASEAN, tự do hoá thương mại dịch vụ, tự do di chuyển lao động lành nghề, hợp tác ngoại khối; cơ chế giải quyết tranh chấp; thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.

45. Tư pháp quốc tế

Tư pháp quốc tế là môn khoa học pháp lí chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế, cụ thể gồm:

- Thẩm quyền và thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân & gia đình, kinh doanh thương mại, lao động có yếu tố nước ngoài;

- Công nhận và cho thi bản án, phán quyết của toà án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài: thủ tục công nhận và cho thi hành, các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành (trong đó có các trường hợp trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam như bảo vệ quyền con người, bình đẳng giới, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em).

Xác định luật áp đối với các quan hệ dân sự, hôn nhân & gia đình, kinh doanh thương mại, lao động có yếu tố nước ngoài; các trường hợp từ chối áp dụng pháp luật nước ngoài do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam (như quyền tự do thoả thuận của các bên, bảo vệ quyền con người, tôn trọng bình đẳng giới, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em).

46. Luật lao động

Luật lao động là học phần nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động - xã hội. Tham gia quan hệ lao động có cả lao động nam và lao động nữ nên vấn đề giới và thúc đẩy bình đẳng giới luôn là vấn đề được đặt ra xuyên suốt trong các chế định của luật lao động cũng như thực tiễn thực hiện. Bên cạnh các vấn đề lí luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: việc làm, học nghề, HĐLĐ, thoả ước lao động tập thể, tiền lương, thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi, an toàn lao động vệ sinh lao động, kỷ luật lao động, tranh chấp lao động, đình công. Những nội dung này ở các khía cạnh và mức độ khác nhau đều liên quan đến vấn đề về giới. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lí của Việt Nam, học phần luật lao động còn nghiên cứu các vấn đề lao động quốc tế (trong khuôn khổ các quy tắc pháp lí lao động của Tổ chức lao động quốc tế - ILO) và của khu vực.

47. Luật môi trường

Luật môi trường là học phần thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật; một số vấn đề mang tính lí luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường; đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, như kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, học phần còn đề cập các khía cạnh của việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này.

48. Luật thuế

Học phần Luật thuế cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về thuế, pháp luật thuế và quan hệ pháp luật thuế. Học phần trình bày các quy định pháp luật điều chỉnh những sắc thuế chủ yếu đối với hàng hóa, dịch vụ, thu nhập và tài sản. Người học được nghiên cứu các yếu tố pháp lý của từng sắc thuế như người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, miễn, giảm và hoàn thuế. Học phần đồng thời trang bị kiến thức về đăng ký, khai, tính, nộp và quản lý thuế. Nội dung học phần đề cập quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế; xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thuế. Qua đó, người học hình thành khả năng phân tích quy định, giải quyết tình huống và đề xuất phương án pháp lý về thuế phù hợp.

49. Luật cạnh tranh

Luật cạnh tranh là học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh như: Những vấn đề lí luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; Tố tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh. Từ đó, sinh viên sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

50. Luật so sánh

Học phần Luật so sánh cung cấp kiến thức chung về khoa học luật so sánh, quá trình hình thành, phát triển của các dòng họ pháp luật trên thế giới hiện nay: Châu Âu lục địa, Pháp luật các nước Bắc Âu, Pháp luật thông luật, Pháp luật tôn giáo - truyền thống, và dòng họ pháp luật xã hội chủ nghĩa. Dựa trên những đặc trưng về nguồn gốc, hệ tư tưởng, cấu trúc pháp luật mà các hệ thống pháp luật được phân chia thành nhiều dòng họ khác nhau. Tuy nhiên, giữa các dòng họ pháp luật vẫn có sự đan xen, tác động lẫn nhau trước xu thế toàn cầu hoá; Cung cấp và rèn luyện một số kỹ năng như: Nghiên cứu, phân tích pháp luật nước ngoài trong góc nhìn đối chiếu, so sánh với pháp luật Việt Nam; Kỹ năng so sánh pháp luật giữa các dòng họ pháp luật trên thế giới để ứng dụng vào thực tiễn tại Việt Nam; Hình thành nhận thức về sự cần thiết phải học hỏi kinh nghiệm của nước ngoài nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, tạo môi trường pháp lý vững chắc để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, chính trị, xã hội.

51. Kỹ năng tư vấn pháp luật

Học phần Kỹ năng về tư vấn pháp luật được thiết kế theo hướng cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tư vấn pháp luật, giúp sinh viên hiểu được những khái niệm, đặc trưng cơ bản và vai trò của hoạt động tư vấn pháp luật; Phân biệt được các loại tư vấn pháp luật; Phân tích được những nguyên tắc và những yêu cầu cơ bản của hoạt động tư vấn pháp luật; điều kiện để thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật; Nắm được nội dung lý thuyết về các kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật.

52. Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng

Học phần Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng cung cấp cho người học các kỹ năng cần thiết để người học có thể thực hiện các công việc như đàm phán và soạn thảo hợp đồng cụ thể. Giới thiệu cho sinh viên các vấn đề chung về kỹ năng đàm phán hợp đồng, kỹ năng soạn thảo hợp đồng, kỹ năng thực hiện hợp đồng. Các kỹ năng này tập trung vào nhóm các hợp đồng thông dụng như: nhóm hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài, nhóm hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản, nhóm hợp đồng có đối tượng là công việc và nhóm các hợp đồng bảo đảm.

53. Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại

Học phần Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức thực hiện quy trình, thủ tục tiến hành giải quyết tranh chấp thương mại. Phân tích các quy định về nguyên tắc, kĩ năng và quy trình giải quyết tranh chấp thương mại bằng các hình thức: thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại, thương mại toà án. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm thu thập thông tin, kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể. Hình thành cho sinh viên kĩ năng tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong tranh chấp thương mại.

54. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính

Học phần Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các khái niệm, đặc điểm, mục đích, tác dụng và phân loại văn bản hành chính; từ ngữ và văn phong của văn bản hành chính, viết hoa trong văn bản hành chính; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính; thể thức và kỹ thuật trình bày một số văn bản hành chính như: công văn, giấy mời, biên bản, quyết định cá biệt, chỉ thị, thông báo, tờ trình, kế hoạch, báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

55. Khoá luận tốt nghiệp

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh sinh viên đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc ngành Luật. Học phần này giúp sinh viên vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của sinh viên.

56. Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Học phần Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Bộ máy thanh tra, hoạt động thanh tra, khiếu nại và thẩm quyền giải quyết khiếu nại, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết tố cáo. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể tự mình thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo nếu phát hiện có hành vi trái pháp luật; tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho người khác trong quá trình họ thực hiện các thủ tục khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị.

57. Luật thi hành án dân sự Việt Nam

Học phần Luật thi hành án dân sự Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật; biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự; phí và chi phí thi hành án dân sự; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm về thi hành án dân sự.

58. Pháp luật an sinh xã hội

Học phần Pháp luật an sinh xã hội cung cấp kiến thức lý luận chung về pháp luật an sinh xã hội: khái niệm, đặc điểm an sinh xã hội và pháp luật an sinh xã hội; đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn luật và nguyên tắc của pháp luật an sinh xã hội; quan hệ pháp luật an sinh xã hội; khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật an sinh xã hội Việt Nam. Trên cơ sở lý luận, học phần giới thiệu về hệ thống quy định pháp luật an sinh xã hội Việt Nam hiện nay bao gồm các chế định: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Ưu đãi xã hội, Trợ giúp xã hội; Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội.

59. Thực tập chuyên đề

Học phần Thực tập chuyên đề nhằm trang bị và củng cố cho sinh viên ngành Luật hệ thống kiến thức lý thuyết, kỹ năng nghề nghiệp đã được đào tạo tại nhà trường; tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận, hòa nhập với môi trường làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước. Qua đó, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng vận dụng kiến thức pháp luật để phát hiện, xử lý các tình huống thực tiễn, rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề luật.

60. Thực tập tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc, có tính chất tích hợp thực hành cuối khóa dành cho sinh viên ngành Luật chuyên ngành đào tạo Cử nhân Luật. Học phần nhằm tạo điều kiện tối ưu để người học tiếp cận trực tiếp với thực tiễn hoạt động chuyên môn pháp

luật tại các cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án), cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp hành nghề luật (Văn phòng luật sư, Công ty luật, Văn phòng công chứng, Văn phòng thừa phát lại), trung tâm hòa giải trọng tài thương mại hoặc bộ phận pháp chế của các doanh nghiệp.

Thông qua quá trình thực tập, sinh viên được trải nghiệm trực tế bối cảnh công việc chuyên môn của một Luật sư, Thẩm phán, Kiểm sát viên, Công chứng viên, Chuyên viên pháp lý trong tương lai; rèn luyện khả năng quan sát, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp hồ sơ vụ việc; tra cứu văn bản pháp luật hiện hành và vận dụng các kiến thức lý luận đã học vào thực tế xử lý các vụ việc cụ thể. Đồng thời, học phần rèn luyện toàn diện các kỹ năng hành nghề như kỹ năng tư vấn pháp luật, đàm phán thương lượng, kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; bồi dưỡng bản lĩnh nghề nghiệp, ý thức thượng tôn pháp luật và quy tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp pháp luật thực tế.

B. Các học phần điều kiện

I. Giáo dục quốc phòng - An ninh

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

II. Giáo dục thể chất

1. Bóng chuyền hơi

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; kỹ thuật chuyền bóng thấp tay; kỹ thuật chuyền bóng cao tay; kỹ thuật phát bóng; một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền hơi.

2. Bóng đá

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; phân tích, thực hiện được kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân và một số bài tập bổ trợ phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng đá.

3. Cầu lông

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật phòng thủ; một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông.

4. Khiêu vũ thể thao

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; luật khiêu vũ thể thao; các kỹ thuật cơ bản: thuật ngữ, vũ điệu Bachata, Chachacha và Bebop.

5. Pickleball

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; tư thế đứng và cách di chuyển, cách cầm vợt, kỹ thuật đánh bóng cơ bản

trong môn Pickleball, một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Pickleball.

12.2. Đề cương chi tiết học phần *(có phụ lục kèm theo)*

13. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy
1	Nguyễn Chí Dũng	1960	Tiến sĩ, Luật học, 2010	1. Luật hình sự 1; 2. Luật hình sự 2; 3. Đạo đức nghề luật; 4. Luật TTHS; 5. Luật về phòng, chống tham nhũng; 6. Pháp luật về quyền con người; 7. Kĩ năng tư vấn pháp luật. 8. Lý luận chung về NN&PL. 9. Luật dân sự 1, 2.
2	Trần Thị Hiền	1966	Tiến sĩ, Luật học, 2008	1. Kĩ năng lập luận và tranh luận; 2. Luật Hiến pháp VN; 3. Luật hành chính VN; 4. Pháp luật về quyền con người; 5. Luật sở hữu trí tuệ; 6. Luật lao động; 7. Kĩ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng. 8. Luật TTHC. 9. Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý 10. Luật tố tụng hành chính
3	Nguyễn Vinh Diện	1977	Tiến sĩ, ngành Luật Kinh tế 2021	1. Luật thương mại 1, 2; 2. Luật tài chính; 3. Luật thuế; 4. Luật cạnh tranh; 5. Lịch sử nhà nước và pháp luật; 6. Công pháp quốc tế; 7. Luật thương mại quốc tế; 8. Tư pháp quốc tế. 9. Luật sở hữu trí tuệ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy
4	Nguyễn Phương Lan	1962	Tiến sĩ, Luật học, 2007	1. Luật dân sự 1,2; 2. Luật so sánh; 3. Kĩ năng giải quyết tranh chấp thương mại; 4. Kĩ năng tư vấn pháp luật; 5. Thực tập chuyên đề; thực tập tốt nghiệp. 6. Luật TTDS; 7. Công pháp quốc tế. 8. Luật tố tụng hành chính
5	Nguyễn Thái Mai	1968	Tiến sĩ, Luật học, 2010	1. Công pháp quốc tế; 2. Luật tài chính; 3. Luật so sánh; 4. Luật hôn nhân và gia đình; 5. Luật môi trường; 6. Tư pháp quốc tế; 7. Pháp luật cộng đồng Asean; 8. Xây dựng văn bản pháp luật; 9. Kĩ năng soạn thảo văn bản hành chính.
6	Đức Thị Hoà	1973	Tiến sĩ, ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự, 2023	1. Xây dựng văn bản pháp luật; 2. Luật đất đai; 3. Luật thi hành án dân sự Việt Nam; 4. Luật dân sự 1,2; 5. Kĩ năng tư vấn PL; 6. Thanh tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; 7. Luật tố tụng dân sự; 8. Pháp luật về an sinh xã hội; 9. Luật thương mại 1, 2.
7	Phan Thị Thu Lê	1981	Tiến sĩ, Luật (Luật hình sự và tố tụng hình sự, 2019	1. Luật hình sự 1, 2; 2. Tội phạm học; 3. Luật TTHS; 4. Kĩ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng; 5. Pháp luật cộng đồng Asean; 6. Kĩ năng tư vấn pháp luật. 7. Luật môi trường.
8		1982	Thạc sĩ, Luật dân	1. Kĩ năng soạn thảo văn bản

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy
	Phạm Thị Mai		sự, 2015	hành chính; 2. Đạo đức nghề luật; 3. Luật hiến pháp; 4. Luật đất đai; 5. Luật hôn nhân và gia đình; 6. Luật TTDS; 7. Pháp luật về quyền con người; 8. Luật thi hành án dân sự Việt Nam; 9. Thực tập chuyên đề; thực tập tốt nghiệp; 10. Luật lao động.
9	Chu Hải Đăng	1979	Thạc sĩ, Luật học, 2010	1. Kĩ năng lập luận và tranh luận. 2. Luật tố tụng hình sự; 3. Luật về phòng, chống tham nhũng; 4. Pháp luật về an sinh xã hội; 5. Kĩ năng tư vấn pháp luật. 6. Tội phạm học 7. Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo.
10	Phạm Văn Huân	1978	Thạc sĩ, Luật học, 2010	1. Tư pháp quốc tế; 2. Luật thương mại quốc tế; 3. Pháp luật cộng đồng Asean; 4. Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại; 5. Luật hành chính Việt Nam. 6. Luật cạnh tranh
11	Phạm Xuân Đức	1980	Tiến sĩ, CNDVBC&DVLS, 2023	1. Triết học Mác - Lênin; 2. Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý; 3. Lý luận chung về NN&PL.
12	Trần Thị Hồng Nhung	1979	Thạc sĩ, Triết học, 2013	1. Triết học Mác-Lênin; 2. Tâm lý học đại cương.
13	Nguyễn Mạnh Tưởng	1977	Thạc sĩ, Triết học, 2007	1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin; 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh.
14	Phùng Thị Lý	1982	Tiến sĩ, Chủ nghĩa xã hội khoa học, 2020	1. Tâm lý học đại cương; 2. Chủ nghĩa XHKH; 3. Logic học đại cương.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy
15	Nguyễn Thị Hiền	1985	Thạc sĩ, Triết học, 2013	1. Chủ nghĩa XHKH; 2. Tâm lý học đại cương.
16	Nguyễn Thị Hải Hà	1977	Thạc sĩ, Lịch sử, 2013	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh.
17	Đỗ Thị Thùy	11985	Thạc sĩ, triết học, 2014	1. Logic học đại cương. 2. Kỹ năng mềm
18	Hà Đình Soát	1981	Thạc sĩ, KH Giáo dục, 2015	1. Giáo dục thể chất; 2. Giáo dục QP và AN.
19	Vũ Tiến Hiếu	1986	Thạc sĩ, QLGDTT, 2015	1. Giáo dục thể chất.
20	Hoàng Thị Ngát	1985	Thạc sĩ, KH máy tính, 2014	1. Tin học CB.
21	Vũ Bảo Tạo	1979	Thạc sĩ, Công nghệ phần mềm, 2013	1. Ứng dụng công nghệ số và AI.
22	Nguyễn Thị Hương Huyền	1982	Thạc sĩ, Văn hóa học, 2011	1. Cơ sở văn hoá VN.
23	Nguyễn Đăng Tiến	1980	Tiến sĩ, Địa lý tài nguyên và môi trường, 2016	1. Cơ sở văn hoá VN.
24	Trịnh Thị Chuyên	1981	Thạc sĩ, Tiếng anh, 2010	1. Tiếng Anh căn bản 1. 2. Tiếng Anh căn bản 3.
25	Trần Thị Mai Hương	1985	Thạc sĩ, Tiếng anh, 2017	1. Tiếng Anh căn bản 1.
26	Vũ Thị Lương	1978	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	1. Tiếng Anh căn bản 2.
27	Tăng Thị Hồng Minh	1985	Thạc sĩ, tiếng anh, 2013	1. Tiếng Anh căn bản 2. 2. Tiếng Anh căn bản 3.
28	Phạm Thị Hồng Trang	1990	Tiến sĩ, Tiếng trung, 2022	1. Tiếng Trung CB1; 2. Tiếng Trung CB2; 3. Tiếng Trung CB3.
29	Bùi Thị Trang	1987	Thạc sĩ, Tiếng trung, 2014	1. Tiếng Trung CB3.
30	Nguyễn Thị Xuyên	1989	Thạc sĩ, Tiếng trung, 2017	1. Tiếng Trung CB2;
31	Nguyễn Thị Lan	1980	Thạc sĩ, Tiếng trung, 2013	1. Tiếng Trung CB1; 2. Tiếng Trung CB2; 3. Tiếng Trung CB3.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy
32	Nguyễn Thị Kim Nguyên	1975	Tiến sĩ, Kinh tế chính trị, 2015	1. Kinh tế chính trị 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh
33	Phạm Thị Hồng Hoa	1977	Tiến sĩ, Kinh tế, 2018	1. Kinh tế chính trị Mác - Lênin; 2. Kỹ năng mềm.
34	Vũ Văn Đông	1982	Tiến sĩ, Kinh tế học - Kinh tế chính trị, 2021	1. Kinh tế chính trị Mác - Lênin; 2. Kỹ năng mềm.
35	Phạm Văn Dự	1984	Tiến sĩ, Triết học, 2018	1. Triết học Mác - Lênin; 2. Kỹ năng mềm.
36	Nguyễn Thị Nhan	1987	Tiến sĩ, Chủ nghĩa xã hội khoa học, 2019	1. Chủ nghĩa XHKH; 2. Kỹ năng mềm.

14. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

14.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	**Phòng thực hành diễn án**	1	Bàn Hội đồng xét xử
			Ghế Hội đồng xét xử
			Bàn Thư ký HĐXX
			Ghế Thư ký HĐXX
			Bàn Đại diện VKS
			Ghế Đại diện VKS
			Bàn cho Luật sư
			Ghế ngồi cho Luật sư
			Ghế ngồi nguyên đơn và bị đơn
			Ghế cho người ngồi dự (bộ)
			Điều hòa LG 12000 BTU
			Ti vi Sam Sung PS50A410
			Bộ âm ly 3600-OMATON
			Loa cây JBL 2 bát 40 + Micro không dây + Micro để bàn (2 loa, 2 mic, 1 bộ để bàn)
			Bảng tư cách người tham gia tố tụng
			Bảng tư cách người tiến hành tố tụng

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
			Bục khai báo
			Quốc huy
			Áo thẩm phán
			Áo kiểm soát viên
			Máy quay phim, chụp hình Canon
2	**Văn phòng thực hành luật**	1	Điều hòa LG 12000 BTU
			Ti vi Sam Sung PS50A410
			Máy tính
			Bàn làm việc
			Ghế ngồi
			Tủ đựng tài liệu

14.2. Thư viện

Thư viện của trường có diện tích hơn 600 m^2, với các phòng chức năng gồm: phòng tài liệu, phòng đọc, phòng tra cứu qua mạng internet. Phòng tài liệu có 02 phòng với diện tích 50m^2, bao gồm gần 5.000 đầu sách, được bố trí khoa học thuận tiện cho lưu giữ và tìm kiếm tài liệu. Các phòng chức năng của Thư viện đều phục vụ tốt nhu cầu đọc, nghiên cứu, tra cứu của GV và NH. Phòng đọc với không gian yên tĩnh, bố trí 200 chỗ ngồi và được trang bị điều hòa không khí, quạt mát. Phòng tra cứu bố trí 20 máy tính với phần mềm Libol.

Theo từng năm học, các khoa/bộ môn thực hiện hiệu chỉnh, cập nhật kịp thời các CTĐT, ĐCCT, đề cương bài giảng, giáo trình theo quy định biên soạn, lựa chọn, thẩm định, phê duyệt giáo trình của trường. Các ĐCCT, GT sau khi nghiệm thu được cập nhật kịp thời lên cổng thông tin trực tuyến giúp GV, NH có đủ tài liệu, học liệu trong quá trình giảng dạy và học tập, NCKH.

Bên cạnh đó, để đáp đảm bảo chất lượng nguồn tài liệu/học liệu tham khảo, hằng năm Hội đồng khoa học và đào tạo các khoa căn cứ nội dung CTĐT, yêu cầu nội dung, CĐR học phần và tình hình xuất bản họp rà soát, lựa chọn tài liệu chính cho học phần hoặc đề xuất nguồn tài liệu, học liệu cần mua bổ sung để phục vụ biên soạn, cập nhật ĐCCT cũng như quá trình học tập, NCKH của cán bộ, GV và NH. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng khoa học và đào tạo các khoa, phòng QLĐT lập kế hoạch mua sắm bổ sung thêm sách, giáo trình, tài liệu tham khảo cho Thư viện.

Thư viện của Trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài được lưu trữ dạng bản cứng và file mềm có bản quyền về sở hữu trí tuệ, phù hợp với CTĐT để cán bộ, GV và NH tra cứu, khai thác. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 140 đầu sách (623 cuốn) đảm bảo phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

14.3. Giáo trình, tài liệu học tập, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình/tài liệu học tập	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I	**Tài liệu học tập lưu hành nội bộ**	Lưu hành nội bộ	**Trường ĐH Sao Đỏ**	
1.	Tài liệu học tập Triết học Mác - Lênin	Lưu hành nội bộ	“	2023
2.	Tài liệu học tập Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Lưu hành nội bộ	“	2023
3.	Tài liệu học tập Chủ nghĩa xã hội Khoa học	Lưu hành nội bộ	”	2023
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lưu hành nội bộ	“	2023
5.	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lưu hành nội bộ		2023
6.	Tài liệu học tập Pháp luật đại cương	Lưu hành nội bộ	“	2023
7.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Lưu hành nội bộ	“	2023
8.	Tiếng Anh căn bản 1	Lưu hành nội bộ	”	2023
9.	Tiếng Anh căn bản 2	Lưu hành nội bộ	”	2023
10.	Tiếng Anh căn bản 3	Lưu hành nội bộ	”	2023
11.	Tiếng Trung căn bản 1	Lưu hành nội bộ	”	2023
12.	Tiếng Trung căn bản 2	Lưu hành nội bộ	”	2023
13.	Tiếng Trung căn bản 3	Lưu hành nội bộ	”	2023
14.	Tài liệu học tập Tin học đại cương	Lưu hành nội bộ	”	2023
15.	Tài liệu học tập Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	Lưu hành nội bộ	”	2023
16.	Tài liệu học tập Giáo dục thể chất	Lưu hành nội bộ	”	2023
17.	Giáo trình giảng dạy môn bóng đá	Lưu hành nội bộ	”	2024
18.	GT giảng dạy môn cầu lông	Lưu hành nội bộ	”	2023
19.	Tài liệu học tập bóng chuyền hơi	Lưu hành nội bộ	”	2023
20.	Tài liệu học tập Giáo dục quốc phòng - an ninh	Lưu hành nội bộ	”	2023
21.	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 1	Lưu hành nội bộ	”	2023
22.	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2	Lưu hành nội bộ	”	2023
23.	Tài liệu học tập Tâm lý học đại cương	Lưu hành nội bộ	”	2023
24.	Tài liệu học tập Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý	Lưu hành nội bộ	”	2025

II	**Giáo trình tham khảo**			
25.	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia Sự thật	2021
26.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia Sự thật	2021
27.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia Sự thật	2021
28.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia Sự thật	2021
29.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia Sự thật	2021
30.	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2006
31.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2004
32.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn triết học Mác - Lênin	Phạm Văn Đức	Đại học Sư phạm	2021
33.	Tìm hiểu triết học Mác - Lênin	Nguyễn Ngọc Hà	Khoa học Xã hội	2021
34.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Ngô Thái Hà	Đại học Sư phạm	2022
35.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho sinh viên đại học không chuyên lý luận chính trị)	Hoàng Chí Bảo	Đại học Sư phạm	2021
36.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thế Thắng	Đại học Sư phạm	2021
37.	Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập I	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008
38.	Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập II	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008
39.	Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập III	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008
40.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2010
41.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học	Chính trị quốc gia	2009

		Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh		
42.	Văn kiện Đại hội Đảng toàn tập	Đảng Cộng Sản Việt Nam	Chính trị quốc gia	2021
43.	Hồ Chí Minh toàn tập, từ tập 2 đến tập 15	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2011
44.	Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2010
45.	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	Chính trị quốc gia	2010
46.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	Văn hóa Thông tin	2009
47.	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy	Lao động	2017
48.	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Vũ Thị Thu Nhi, Nguyễn Thành Nhân	Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh	2020
49.	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình	Hải Yến	Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh	2019
50.	55 nguyên tắc ứng xử thiết yếu để thành công	Ron Clark	Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh	2019
51.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	2004
52.	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong - Park Won	Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2017
53.	Từ điển kỹ thuật Điện Anh Việt	Đỗ Quang Đạt, Đỗ Gia Phan	Khoa học và kỹ thuật	2010
54.	English in Electrical Engineering and Electronics	Eric H. Glendinning	Oxford University Press	2011
55.	Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering	Eric H. Glendinning, Norman Glendinning	Oxford University Press	2009
56.	汉语**会**话301**句**, Tập 1	Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều	Khoa học Xã Hội	2009

		Lục biên dịch		
57.	汉语会话301句, Tập 2	Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch	Khoa học Xã Hội	2009
58.	Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật	Hoàng Thị Kim Quế	Đại học Quốc gia Hà Nội	2025
59.	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Duyên Thảo, Mai Văn Thắng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2023
60.	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Thế giới	Nguyễn Minh Tuấn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2023
61.	Giáo trình Luật hiến pháp Việt Nam	Nguyễn Đăng Dung, Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao	Đại học Quốc gia Hà Nội	2025
62.	Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quốc hội	Chính trị Quốc gia sự thật	2024
63.	Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam	Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Minh Hà	Đại học Quốc gia Hà Nội	2024
64.	Giáo trình Luật Tố tụng Hành chính Việt Nam	Nguyễn Cảnh Hợp	Hồng Đức	2024
65.	Giáo trình Luật hình sự Việt Nam	Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp	2024
66.	Giáo trình tư pháp quốc tế,	Đỗ Thị Mai Hạnh	Tư pháp	2024
67.	Giáo trình Luật đất đai	Lưu Quốc Thái	Công an nhân dân	2025
68.	Bộ luật hình sự Việt Nam (bộ luật 2015 sửa đổi 2017)	Quốc hội	Chính trị quốc gia Sự Thật	2024
69.	Giáo trình tội phạm học	Võ Thị Kim Oanh, Lê Nguyên Thanh	Công an nhân dân, Hà Nội	2026
70.	Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam	Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi	Công an nhân dân, Hà Nội	2023
71.	GT Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Tiến	Công an nhân dân	2025
72.	Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam	Nguyễn Thị Hoài Phương	Công an nhân dân	2025
73.	Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ	TS. Nguyễn Hồ Bích Hằng,	Công an nhân dân	2025

		Nguyễn Xuân Quang		
74.	Giáo trình bảo hiểm thương mại	PGS.TS. Nguyễn Văn Định, S. Nguyễn Thị Hải Đường	Đại học kinh tế quốc dân	2020
75.	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Công Nhự	Đại học kinh tế quốc dân	2021
76.	Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	Hà Thị Thanh Bình	Công an nhân dân	2024
77.	Giáo trình Luật Tài chính Việt Nam	PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu, Nguyễn Thị Lan Hương	Đại học Quốc gia Hà Nội	2025
78.	Giáo trình Luật thương mại quốc tế - phần I	Trần Việt Dũng	Công an nhân dân	2025
79.	Giáo trình Luật thương mại quốc tế - phần II	Trần Việt Dũng	Công an nhân dân	2024
80.	Bộ luật Lao động (hiện hành)	Quốc hội	Chính trị Quốc gia sự thật	2021
81.	Giáo trình Luật lao động Việt Nam	Lê Thị Hoài Thu	Đại học Quốc gia Hà Nội	2023
82.	Giáo trình luật môi trường	Vũ Thu Hạnh, Lê Kim Nguyệt	Công an nhân dân, Hà Nội	2025
83.	Giáo trình luật thuế Việt Nam	Nguyễn Thị Thủy	Công an nhân dân	2026
84.	Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung	Lê Văn Cảm, Trịnh Tiến Việt	Tư pháp	2024
85.	Giáo trình Những quy định chung về luật dân sự	Chế Mỹ Phương Đài, Nguyễn Xuân Quang	Công An Nhân dân	2026
86.	GT công pháp quốc tế Quyển 1	Trần Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Yên	Công An Nhân dân	2026
87.	GT công pháp quốc tế Quyển 2	Trần Thị Thùy Dương, Trần Thăng Long	Công An Nhân dân	2026
88.	GT pháp luật an sinh xã hội	Lê Thị Hoài Thu	Đại học Quốc gia Hà Nội	2023
89.	Tư tưởng HCM về nhà nước pháp	Nguyễn Đăng	Đại học Quốc	2007

	quyền	Dung, Bùi Ngọc Sơn, Nguyễn Mạnh Tường	gia Hà Nội	
90.	Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở VN	Lê Thị Thuy Thủy	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008
91.	Luật du lịch	Quốc hội	Lao Động	2017
92.	Thúc đẩy và bảo vệ quyền của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam	Tường Duy Kiên, Nguyễn Thị Thanh Hải, Chu Thị Thúy Hằng	Chính trị quốc gia Sự thật	2026
93.	Luật phòng chống tham nhũng	Quốc hội	Chính trị quốc gia Sự thật	2020
94.	Luật hôn nhân và gia đình	Quốc hội	Chính trị quốc gia Sự thật	2021
95.	Luật kế toán	Quốc hội	Chính trị quốc gia sự thật	2018
96.	GT Luật sở hữu trí tuệ	Lê Đình Nghị, Vũ Thị Hải Yến	Giáo dục Việt Nam	2017
97.	Hiến pháp và luật về quyền con người của 1 số quốc gia trên thế giời	Tường Duy Kiên, Lê Xuân Tùng, Nguyễn Thế Anh	Lý luận chính trị	2023
98.	Các văn kiên quốc tế, khu vực về quyền con người	Học viện chính trị quốc gia HCM	Lý luận chính trị	2023
99.	Tư tường Hồ Chí Minh về quyền con người	Học viện chính trị quốc gia HCM	Lý luận chính trị	2023
100.	Các văn kiện của đảng, chính phủ và thủ tướng chính phủ về quyền con người	Học viện chính trị quốc gia HCM	Lý luận chính trị	2023
101.	Cơ chế quốc tế, khu vực và quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người	Tường Duy Kiên, Nguyễn Thị Thanh Hải	Chính trị quốc gia Sự thật	2022
102.	Cơ chế bảo đảm quyền còn người ở Việt Nam	Tường Duy Kiên, Lê Văn Trung, Trần Thị Hồng Hạnh	Chính trị quốc gia Sự thật	2023
103.	Pháp luật cơ chế thúc đẩy, bảo vệ quyền con người của 1 số nước trên thế giới	Tường Duy Kiên, Lê Xuân Tùng	Chính trị quốc gia Sự thật	2024
104.	Quyền con người trong phát triển xã hội	Tường Duy Kiên, Nguyễn Thị Thanh Hải	Chính trị quốc gia Sự thật	2024
105.	Lý luận về quyền con người và	Tường Duy Kiên	Chính trị quốc	2024

	giáo dục quyền con người		gia Sự thật	
106.	Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người	Tường Duy Kiên	Chính trị quốc gia Sự thật	2025
107.	Bộ luật dân sự	Quốc hội	Chính trị quốc gia Sự thật	2021
108.	Luật đất đai (sửa đổi, bổ sung năm 2024)	Quốc hội	Tư pháp	2025
109.	Quyền con người trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam	Nguyễn Thị Kim Ngân, Chu Mạnh Hùng	Công an nhân dân	2023
110.	Giáo trình Luật so sánh	Nguyễn Thị Ánh Vân	Tư pháp	2025
111.	Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật	Vũ Thị Lan Anh	Tư pháp	2024
112.	Giáo trình kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	Đoàn Thị Tố Uyên	Tư pháp	2025
113.	Giáo trình Luật thi hành án dân sự Việt Nam	Nguyễn Công Bình, Bùi Thị Huyền	Tư pháp	2024
114.	Luật thanh tra	Trường Đại học Luật Hà Nội	Lao động	2025
115.	Một số vấn đề về tham nhũng và những nội và những vấn đề cơ bản của luật phòng, chống tham nhũng 2018	Đinh Văn Minh	Lao động	2019
116.	Giáo trình Lịch sử tư tưởng chính trị pháp lý	Cao Minh Công, Nguyễn Thị Hồi	Chính trị quốc gia	2015
117.	Tập bài giảng Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	Lê Thị Giang	Hải Phòng	2021
118.	Giáo trình một số hợp đồng đặc thù trong hoạt động thương mại và kĩ năng đàm phán	Nguyễn Thị Dung	Công an nhân dân	2012
119.	Giáo trình lý luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng	Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Chu Hồng Thanh, Vũ Công Giao	Đại học quốc gia Hà Nội	2013
120.	Giáo trình Luật sư và đạo đức nghề luật sư	Ngô Thị Ngọc Vân, Tống Thị Thanh Thanh	Tư pháp	2021
121.	Luật khiếu nại và văn bản hướng dẫn thi hành	Quốc hội	Lao động	2025

122.	Luật tố cáo và văn bản hướng dẫn thi hành	Quốc hội	Lao động	2023
123.	Giáo trình kỹ năng tham gia giải quyết các vụ việc hành chính	Lê Thu Hằng	Tư pháp	2026
124.	Giáo trình Kỹ năng của luật sư tham gia giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại	Nguyễn Minh Hằng	Tư pháp	2026
125.	Giáo trình lí luận chung về nhà nước và pháp luật	Nguyễn Vinh Đoan, Nguyễn Văn Năm	Tư pháp	2025
126.	Bộ Luật hình sự hiện hành	Quốc hội		2023
127.	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	Trần Hồng Nhung	Tư pháp	2026
128.				
129.	Hướng dẫn môn học Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	Trần Hồng Nhung, Phạm Thị Thu Hiền	Lao động	2025
130.	Giáo trình luật thuế Việt Nam	Phạm Thị Giang Thu	Tư pháp	2024
131.	Giáo trình luật đất đai	Trần Quang Huy	Công an nhân dân	2022
132.	Giáo trình tội phạm học	Lê Thị Sơn	Tư pháp	2024
133.	Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ	Vũ Thị Hải Yến	Tư pháp	2024
134.	Giáo trình luật Hiến pháp Việt Nam	Thái Vĩnh Thắng, Tô Văn Hoà	Tư pháp	2025
135.	Giáo trình luật môi trường	Lê Hồng Hạnh, Vũ Thu Hạnh	Tư pháp	2024
136.	Giáo trình luật thương mại (tập 1)	Đỗ Mạnh Phương	Công an nhân dân	2025
137.	Giáo trình luật thương mại (tập 2)	Bùi Hữu Toàn, Đỗ Mạnh Phương	Công an nhân dân	2025
138.	Giáo trình Pháp luật cộng đồng ASEAN	Nguyễn Thị Thuận, Lê Minh Tiến	Công an nhân dân	2021
139.	Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam	Nguyễn Công Bình	Công an nhân dân	2015
140.	Giáo trình kĩ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	Đoàn Thị Tố Uyên	Tư pháp	2021
141.	Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 1	Phạm Văn Tuyết, Trần Thị Huệ	Tư pháp	2022

142.	Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 2	Phạm Văn Tuyết, Trần Thị Huệ	Tư pháp	2022
143.	Giáo trình Luật thương mại Việt Nam tập 1	Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung	Tư pháp	2022
144.	Giáo trình Luật cạnh tranh	Nguyễn Thị Vân Anh	Công an nhân dân	2020
145.	Giáo trình Luật so sánh	Nguyễn Thị Ánh Vân	Tư pháp	2022
146.	Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	Công an nhân dân	2016
147.	Giáo trình Luật thương mại Việt Nam tập 2	Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung	Tư pháp	2022
148.	Giáo trình Luật sư và đạo đức nghề luật sư	Ngô Thị Ngọc Vân, Tống Thị Thanh Thanh	Tư pháp	2021
149.	Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật	Đoàn Thị Tố Uyên	Tư pháp	2018
150.	Giáo trình Công pháp quốc tế	Nguyễn Bá Diến	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
151.	Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Chính trị quốc gia Sự thật	2022
152.	Cẩm nang pháp luật về kết hôn, ly hôn, chế độ tài sản của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân	Trương Ngọc Liêu	Chính trị quốc gia Sự thật	2022
153.	Giá trị xã hội của pháp luật Việt Nam	Vũ Trọng Lâm	Chính trị quốc gia Sự thật	2020
154.	Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật	Nguyễn Minh Đoan	Chính trị quốc gia Sự thật	2023
155.	Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình	Phan Trung Hiền	Chính trị quốc gia Sự thật	2023
156.	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	Lê Minh Tâm	Công an nhân dân	2020
157.	Quốc triều hình luật	Lê Thị Sơn	Khoa học xã hội	2024
158.	Lịch sử và Nhà nước pháp luật Việt Nam	Lê Minh Tâm, Vũ Thị Ngha	Công an nhân dân	2006
159.	Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam	Trần Minh Hương	Công an nhân dân	2006
160.	Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam	Phạm Văn Ba, Nguyễn Thị Báo, Vũ Công Giao		2015

161.	Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người	Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng	Chính trị quốc gia	2009
162.	Pháp luật dân sự Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Trần Anh Tuấn, Vũ Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Văn Hợi	Công an nhân dân	2024
163.	Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 1	Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuấn	Công an nhân dân	2005
164.	Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 2	Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuấn	Công An Nhân dân	2005
165.	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	Tư pháp	2024
166.	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	Tư pháp	2021
167.	Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	Công an nhân dân	2005
168.	Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	Công an nhân dân	2007
169.	Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	Công an nhân dân	2008
170.	Hướng dẫn học tập và tìm hiểu Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	Ngô Thị Hường	Lao Động	2020
171.	Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam	Nguyễn Công Bình	Công an nhân dân	1997
172.	Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam	Nguyễn Công Bình	Tư pháp	2025
173.	Giáo trình Luật thương mại Việt Nam tập 2	Nguyễn Viết Tý	Công an nhân dân	2011
174.	Quảng cáo dưới góc độ cạnh tranh	Đinh Thị Mỹ Loan	Lao động – Xã hội	2008
175.	Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	Nguyễn Thị Lan	Tài chính	2023
176.	Luật thi hành án dân sự Việt Nam những vấn đề lý luận và thực tiễn	Nguyễn Công Bình	Công an nhân dân	2007

15. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Sao Đỏ.

16. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

16.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Quá trình đào tạo nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khoá như văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,… để tăng cường khả năng giao tiếp cho sinh viên.

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành đang theo học, nhà trường bố trí tham quan một số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phù hợp với ngành Luật.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đạo tạo chính khoá:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: Lễ khai giảng; Ngày thành lập Đảng, Đoàn; Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11,…	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc theo nhóm. Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức, tổ chức, kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
4	Đi thực tế tại các các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.	Tập trung nhóm	Năm học thứ 3 hoặc thứ 4 hoặc trong quá trình thực tập	Nhận thức đầy đủ về ngành theo học. Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Hoạt động thư viện (Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện nghiên cứu và tham khảo tài liệu)	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu bổ xung các kiến thức chuyên môn, tìm kiếm thông tin ngành theo học trên Internet

16.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 40 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm khách quan; từ 30 ÷ 45 phút/sinh viên đối với hình thức thi vấn đáp; từ 90 phút đến 120 phút đối với hình thức thi tự luận; từ 120 phút đến 180 phút đối với hình thức thi thực hành, đánh giá năng lực thực hiện. Đối với các học phần đánh giá kỹ năng nghe, đọc thì thời gian làm bài tối thiểu là 45 phút.